

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa anh

T và chị Q

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Trung Kiên

Bà Phạm Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1989; Địa chỉ: xóm T, xã N, tỉnh Ninh Bình (xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cũ);

Bị đơn: Chị Cao Thị Q, sinh năm 1990; Địa chỉ: xóm T, xã N, tỉnh Ninh Bình (xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cũ);

(Anh T xin vắng mặt có lý do; chị Q vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Đặng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Cao Thị Q, sinh năm 2000 có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25-10-2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam

Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình), trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi ký kết hôn vợ chồng không chung sống với nhau bình thường đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Vợ chồng đã sống ly thân từ 30/4/2023 đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau, thỉnh thoảng chị Q mới về thăm con. Nay anh tới xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Cao Thị Q.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có một con chung là Đặng Thị Thảo N, sinh ngày 02-12-2020, hiện nay đang ở cùng với anh T. Nay ly hôn anh T đề nghị tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Hiện anh đang làm kinh doanh tự do thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn chị Cao Thị Q các tài liệu gồm: Thông báo thụ lý vụ án số 88/TB-TLVA ngày 19 tháng 5 năm 2025; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác. Chị Q đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị Q không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn của anh T và chị Q tại nơi cư trú, đại diện Ủy ban nhân dân xã N cung cấp như sau: Chị Cao Thị Q, sinh năm 2000 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình); Chị Cao Thị Q và anh Đặng Văn T, sinh năm 1989 có đăng ký kết hôn vào ngày 25-10-2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống vợ chồng anh T và chị Q có 01 con chung Đặng Thị Thảo N, sinh ngày 02-12-2020 có đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Q như thế nào, nguyên nhân từ đâu địa phương không nắm rõ do các đương sự không thông qua hòa giải tại cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Vì lý do công việc bận nên anh T có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Đặng Văn T và chị Cao Thị Q.

Về con chung: Giao con chung Đặng Thị Thảo N, sinh ngày 02-12-2020 cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Chị Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh T (do anh T không yêu cầu). Hai bên có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: anh Đặng Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đặng Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị Cao Thị Q là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T và chị Q là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Văn T và chị Cao Thị Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) đăng ký kết hôn vào ngày 25-10-2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

không hòa thuận hạnh phúc do do tính cách không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Cao Thị Q.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị Q và qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Q là có thật, việc mâu thuẫn xuất phát từ việc do tính cách không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Từ ngày 30/4/2023 vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau. Trong thời gian sống ly thân, cả anh T và chị Q không còn liên lạc gì với nhau. Hai bên không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Anh T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho anh được ly hôn với chị Q. Quá trình giải quyết vụ án, chị Q đã được tổng đạt và biết việc anh T xin ly hôn nhưng chị Q không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ bản thân chị Q cũng không còn nguyện vọng mong muốn tiếp tục chung sống với anh T. Do đó, từ những phân tích trên, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh T đối với chị Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung Đặng Thị Thảo N, sinh ngày 02-12-2020 hiện nay đang ở cùng với anh T. Ly hôn anh T đề nghị tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Hiện anh đang làm kinh doanh tự do thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Xét điều kiện hoàn cảnh của hai bên hiện nay, thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung do anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, chị Q không có liên lạc hay quan tâm gì đến con chung. Nay ly hôn, anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung, hiện anh đang làm kinh doanh tự do thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án, chị Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, như vậy chị Q đã biết được nội dung yêu cầu và nguyện vọng nuôi con chung của anh T. Tuy nhiên, đến nay chị Q không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án về việc nuôi con chung. Do đó, cần giao con chung Đặng Thị Thảo N cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T (do anh T không yêu cầu). Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về trách nhiệm cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con, phía chị Q không có ý kiến gì nên về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Anh T xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Đặng Văn T và chị Cao Thị Q.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Thị Thảo N, sinh ngày 02-12-2020 cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Chị Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh T. Hai bên có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: anh Đặng Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005364 ngày 19-5-2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Ninh Bình. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 9 + tỉnh;
- Thi HADS tỉnh Ninh Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Nam Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Trung Kiên

Phạm Hồng M

